

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày 13 - 3 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đức

Ông Hoàng Thành Nam.

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duẩn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên toà:
Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1, Phạm Quang M, sinh ngày 17/6/1998; Nơi sinh và cư trú: Thôn MĐ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1966 và bà Chu Thị Th, sinh năm 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 33/2016/HSST ngày 11/8/2016, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Ngày 26/3/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/11/2017 đến nay (có mặt).

2, Phạm Văn C, sinh ngày 04/4/1997 (tên gọi khác: Q); Nơi sinh và cư trú: Thôn MĐ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 20/11/2017 đến ngày 20/01/2018 được tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Anh Lưu Công T, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở: Thôn MĐ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

-*Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh Trần Văn T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Ph, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Ph, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ông Phạm Văn H, sinh năm 1966 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 06/11/2017, Phạm Quang M đi đến cổng nhà ông bà B Đ ở thôn 4 MĐ, xã T quan sát thấy đoạn đường này vắng người, xung quanh nhà dân đều đóng cổng, M nảy sinh ý định vào trộm cắp tài sản. M trèo tường bao loan vào sân đi vào phòng bếp lục soát nhưng không lấy được gì. M thấy cửa buồng ngủ ra hè không khóa liền đẩy chốt lên mở cửa vào trong nhà đến đầu giường thấy 01 điện thoại di động Iphone5S đang sạc pin, M lấy điện thoại cùng sạc pin, sau đó lục soát ba lô ở cuối chân giường lấy được 01 nhẫn vàng tây loại 18K, trọng lượng 02 chỉ. Tiếp tục lục tìm trong tủ quần áo nhưng không lấy được gì. M đi ra nhà ngoài thấy trên tường treo 01 ba lô màu xanh M lục soát lấy được 2.000.000 đồng rồi treo ba lô lên vị trí cũ. M nhìn thấy trên bàn uống nước có 01 ví da màu nâu kiểm tra bên trong có khoảng 3.000.000 đồng, M lấy toàn bộ số tiền trong ví rồi theo lối cũ ra về. Ra đến đầu ngõ M vứt bỏ chiếc sạc pin điện thoại xuống cống nước ven đường. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày M đi bộ đến nhà Phạm Văn C ở cùng thôn nhờ C chở đi tiêu thụ chiếc điện thoại Iphone 5S vừa trộm cắp được. Do biết M không có điện thoại và nghi ngờ là tài sản phạm pháp nên C hỏi M: “Điện thoại gì đấy mày nháy à”, ý hỏi M là điện thoại trộm cắp à, M đưa điện thoại cho C và nói “Ừ tao vừa lấy trộm được”. C hỏi M: “Mày trộm ở đâu đấy” M bảo “Mày không cần biết, cứ chở tao đi xa xa bán là được” C đồng ý. Trên đường đi M đưa điện thoại cho C xem và nói: “Tao mới lấy trộm được lúc trưa, mày cứ chở tao đi bán, có gì tao chịu hết”. C điều khiển xe chở M đi bán điện thoại tại cửa hàng điện thoại Trần T ở thôn Ph, xã

TL, huyện M, thành phố Hà Nội. Khi đến M vào bán điện thoại được 300.000 đồng và mua một điện thoại của cửa hàng giá 1.300.000 đồng.

Sau khi phát hiện mất trộm anh Lưu Công T là người thuê nhà của ông bà B Đ đã báo Cơ quan Công an giải quyết. Quá trình điều tra anh T kê khai bị mất số tiền 4.900.000 đồng, 01 nhẫn vàng tây loại 18K trọng lượng 02 chỉ, 01 điện thoại di động Iphone 5S màu xám và sạc pin điện thoại.

Vật chứng thu giữ: Thu của anh T 01 ba lô màu đỏ, 01 ba lô màu xanh, 01 ví da màu nâu; thu giữ của cửa hàng điện thoại di động Trần Tư: 01 điện thoại Iphone 5S và 1.000.000 đồng; thu giữ của chị Nguyễn Thị Th 50.000 đồng; thu giữ của bị cáo M 10.000 đồng, 01 điện thoại di động Lumia 650 màu đen, 01 sạc pin + củ sạc, 01 tai nghe màu trắng cùng vỏ hộp; thu của bị cáo C 01 điện thoại di động Mobistar.

Tại kết luận định giá số: 64/2017/KL-ĐG ngày 20/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: “01 điện thoại Iphone 5S màu xám, đã qua sử dụng trị giá: 1.500.000 đồng; 01 nhẫn vàng tây 02 chỉ loại 18K trị giá: 4.000.000 đồng. Tổng tài sản định giá 5.500.000 đồng”.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả cho anh T: 01 ba lô màu đỏ, 01 ba lô màu xanh, 01 ví da màu nâu, 01 điện thoại Iphone 5S màu xám, 01 sim điện thoại số 0915883827; trả cho chị Th: 01 tai nghe màu trắng cùng vỏ hộp; trả cho anh T chủ cửa hàng điện thoại di động Trần T: 01 điện thoại di động Lumia 650 màu đen, 01 sạc pin + củ sạc.

Gia đình bị cáo M và C tự nguyện bồi thường cho anh T 7.000.000 đồng. Nhận lại tài sản và tiền bồi thường anh T không yêu cầu đề nghị gì thêm về dân sự và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Anh T, chị Th không yêu cầu đề nghị gì.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 02/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc truy tố Phạm Quang M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố Phạm Văn C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như Cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, phạt bị cáo M từ 10 tháng đến 12 tháng tù; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 đề nghị

phạt bị cáo C từ 6 tháng đến 8 tháng tù cho hưởng án treo thử thách gấp đôi, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Đề nghị áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.060.000 đồng thu giữ của anh Đ, chị Th và của bị cáo M. Trả lại cho Phạm Văn C 01 điện thoại di động Mobistar nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa các bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 16 giờ ngày 06/11/2017, Phạm Quang M vào nhà trọ của anh Lưu Công T tại thôn MĐ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc trộm cắp của anh T 01 điện thoại di động Iphone 5S màu xám và sạc pin điện thoại, 01 nhẫn vàng tây loại 18K trọng lượng 02 chỉ và 4.900.000 đồng, tài sản trộm cắp trị giá 10.400.000 đồng. Sau đó M nhờ C đưa đi tiêu thụ chiếc điện thoại do M vừa trộm cắp được. Hành vi của Phạm Quang M đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Hành vi của Phạm Văn C đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng của vụ án, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phạm Quang M phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; hành vi của Phạm Văn C đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: “1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Phạm Quang M, sinh năm 1998 năm nay 20 tuổi, bị cáo là người phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo đã bị Tòa án xét xử 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, mới chấp hành xong hình phạt tuy được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Lẽ ra phải phạt bị cáo với mức án cao, song xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã cùng gia đình tích cực khắc phục hậu quả bồi thường cho người bị hại, ở Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, thật sự tỏ ra ăn năn hối cải. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Người bị hại có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự do vậy Hội đồng xét xử chỉ xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Văn C, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo sinh năm 1997 năm nay 21 tuổi, bị cáo là người phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, biết rõ tài sản do M trộm cắp mà có, nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình giúp M đi tiêu thụ tài sản trộm cắp. Lẽ ra phải phạt bị cáo với mức án cao song xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã cùng gia đình tích cực khắc phục hậu quả bồi thường cho người bị hại, ở Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, thật sự tỏ ra ăn năn hối cải. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, h, p

khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự. Người bị hại có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt có nơi ở ổn định, bị cáo C có ông nội là liệt sỹ do vậy Hội đồng xét xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo Phạm Văn C cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt.

[3] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 138 và khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự còn quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền ...”. Xét thấy các bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có tài sản thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo M trộm cắp của anh T, Cơ quan điều tra đã trả cho anh T: 01 điện thoại Iphone 5S màu xám, 01 sim điện thoại số 0915883827; 01 ba lô màu đỏ, 01 ba lô màu xanh, 01 ví da màu nâu, Các bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường cho anh T 7.000.000 đồng, nhận lại tài sản anh T không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 tai nghe màu trắng cùng vỏ hộp bị cáo M mua của chị Th; 01 điện thoại di động Lumia 650 màu đen, 01 sạc pin + củ sạc bị cáo M mua của cửa hàng điện thoại Trần T. Cơ quan điều tra trả cho chị Th và anh T chủ cửa hàng điện thoại Trần T. Nhận lại tài sản chị Th, anh T không yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của anh Đ là người bán hàng của cửa hàng điện thoại di động Trần T; 50.000 đồng thu giữ của chị Th và 10.000 đồng thu giữ của bị cáo M là tiền do bị cáo M phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với chiếc điện thoại di động Mobistar thu giữ của C không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho C nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Quang M phạm tội “Trộm cắp tài sản” ; Bị cáo Phạm Văn C (tên gọi khác: Q) phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 điều 46; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Quang M 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 20/11/2017.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p khoản 1 điều 46; khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn C (tên gọi khác: Q) 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Văn C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 41, 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.060.000 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trả lại cho Phạm Văn C: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa Công an huyện Yên Lạc và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Lạc).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Phạm Quang M và bị cáo Phạm Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án. Người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện + tỉnh;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Trại tạm giam;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú.
- Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Công Sinh